



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

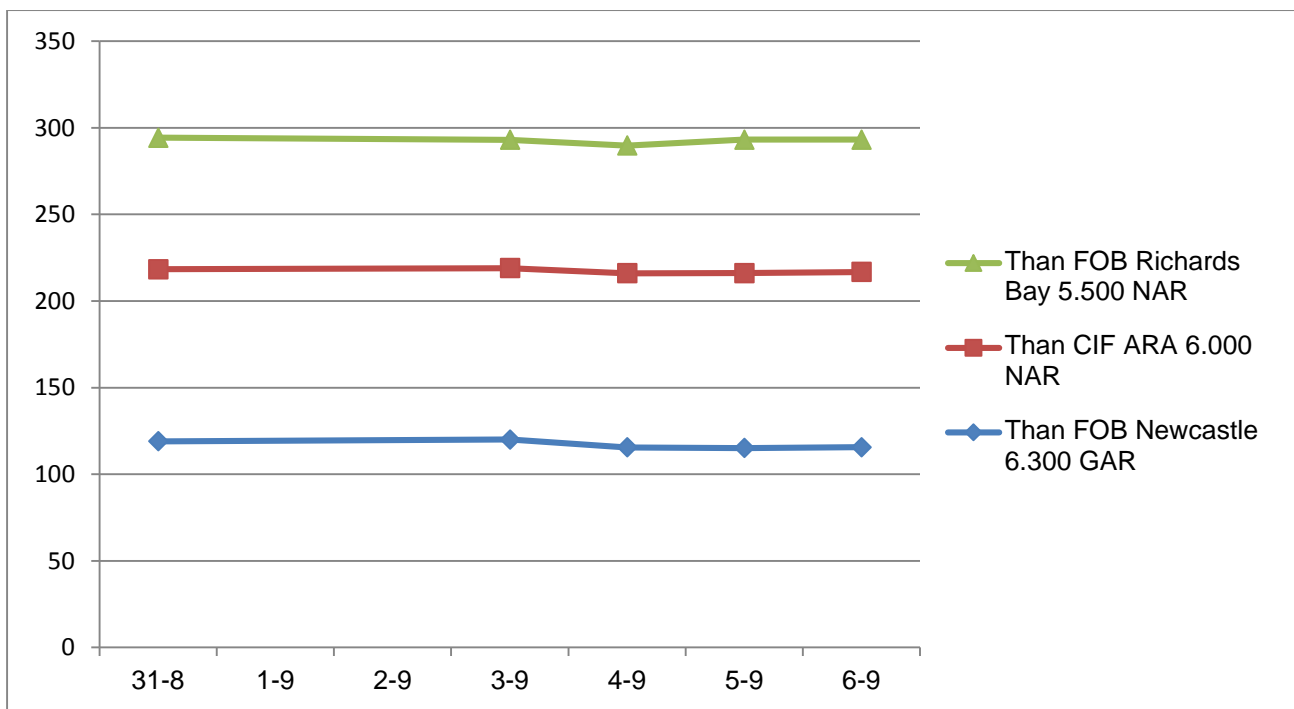
Ngày 10/09/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	115,60	+0,50	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	101,20	+0,15	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	79,30	+2,30	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	74,50	-0,50
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	52,75	-0,75

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	46,30	+0,00	365,67	-0,16
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	61,00	-0,75	481,76	-6,14
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	76,50	+0,00	604,17	-0,27

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 06/09/2018)

DIỂM TIN

Bumi giảm sản lượng trong kế hoạch năm 2018

Bumi Resources đã điều chỉnh dự báo sản lượng than năm 2018 xuống còn 88 triệu tấn từ mục tiêu ban đầu là 90 triệu tấn do gián đoạn vì mưa lớn và thiếu thiết bị. Đại diện của công ty cho biết: "Sản lượng tại Arutmin trong tháng 6 giảm mạnh do hơn hai tuần mưa lớn và lũ lụt". Sản lượng than nhiệt trị cao của Arutmin trong nửa đầu năm đạt 1,3 - 1,4 triệu tấn, và có khả năng tăng lên 4 triệu tấn trong sáu tháng còn lại. Theo ước tính của công ty, đến cuối năm, tổng sản lượng của Arutmin sẽ ở mức 28 triệu - 30 triệu tấn, trong khi sản lượng của Kaltim có khả năng đạt 57 - 58 triệu tấn. Chính phủ Indonesia đã nâng mục tiêu sản xuất than ban đầu từ 380 triệu tấn lên 480 triệu tấn. Đại diện của Bumi cho biết: "Chúng tôi muốn tăng sản lượng thực tế nhưng chúng tôi cần thiết bị, và đó là một thách thức lớn hiện nay".

Nga tiếp tục xuất khẩu than qua Triều Tiên

Quyền thống đốc của Primorsky Krai (vùng Viễn Đông của Nga), ông Andrei Tarasenko cho biết Nga sẽ vẫn tiếp tục vận chuyển than cho xuất khẩu thông qua cảng Rajin của Triều Tiên: "Hôm nay tại Primorsky Krai, chúng tôi đã gửi chuyến tàu than đầu tiên đến Rajin, nơi chúng tôi đã bắt đầu sử dụng các cơ sở vật chất của họ". Ông nói thêm rằng tuyến đường này không vi phạm lệnh trừng phạt vì không có quy định hạn chế cơ sở hạ tầng cảng. Trước đó, Đại sứ Nga tại Bình Nhưỡng, ông Alexander Matsegora phát biểu rằng các biện pháp trừng phạt của Hàn Quốc đối với Triều Tiên đang cản trở việc cung cấp than của Nga cho Hàn Quốc thông qua Rajin.

Vào tháng 9 năm 2013, Nga và Bắc Triều Tiên đã hoàn thành việc xây dựng lại đoạn đường sắt Hassan - Rajin. Dự án bao gồm việc xây dựng bến than tại cảng Rajin. Bến than này dự kiến sẽ trở thành một phần của tuyến đường sắt xuyên quốc gia và biến nó thành tuyến đường ngắn nhất từ các nước Châu Á - Thái Bình Dương đến Châu Âu. Vào cuối năm 2013, Bản ghi nhớ hợp tác trong dự án đã được ký kết bởi tập đoàn quốc doanh Nga Railways và một liên danh các công ty Hàn Quốc. Vào tháng 3 năm 2016, Hàn Quốc đã rút khỏi dự án, áp đặt các biện pháp trừng phạt chống lại Triều Tiên.

Sản lượng than của Ukraine trong tám tháng đầu năm giảm 6,5% so với năm ngoái

Các doanh nghiệp khai thác than của Ukraine trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 8 năm nay đã sản xuất được 22,068 triệu tấn than, giảm 6,5% (tương đương 1,539 triệu tấn) so với cùng kỳ năm 2017. Bộ Năng lượng và Công nghiệp Than cho biết sản lượng than cốc đã giảm 9,8% (tương đương 440.300 tấn) xuống còn 4,068 triệu tấn, than nhiệt giảm 5,8% (tương đương 1,098 triệu tấn), xuống còn 17,999 triệu tấn. Trong tháng 8 năm 2018, sản lượng than khai thác (ROM) đã tăng 15% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 2,925 triệu tấn.

Các công ty khai thác than do Bộ quản lý trong tám tháng đầu năm nay đã giảm sản lượng 10,3% so với cùng kỳ năm ngoái xuống còn 2,82 triệu tấn, đặc biệt là sản xuất than cốc giảm 44,9% xuống còn 312.500 tấn, than nhiệt giảm 2,6% xuống còn 2,507 triệu tấn. Các mỏ tại khu vực Donetsk trong tám tháng đầu năm nay cung cấp 7,501 triệu tấn than (giảm 5,7% so với cùng kỳ năm ngoái), Luhansk cung cấp khoảng 359.000 tấn than (giảm 76,9% so với cùng kỳ năm ngoái), vùng Dnipropetrovsk sản xuất khoảng 13,046 triệu tấn than (tăng 0,2% so với cùng kỳ năm ngoái), Lviv cung cấp 1,088 triệu tấn than (tăng 10,5% so với cùng kỳ năm ngoái), và Volyn khoảng 73.900 tấn (giảm 3,3% so với cùng kỳ năm ngoái).

(Nguồn: www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn	Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc Queensland New South Wales	Trung Quốc Nhật Bản Hàn Quốc	10,00 11,50 12,35		+0,05 +0,05 +0,05
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay Kalimantan	Tây Ấn Độ Tây Ấn Độ	14,10 9,80		+0,00 +0,10

Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,30	+0,00
Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,25	+0,10
Úc	Trung Quốc	13,00	+0,15
Úc	Ấn Độ	14,60	+0,10

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 06/09/2018)